

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025 CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / 4/2025 của UBND huyện Đồng Xuân)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Tên xã	Danh mục công trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 theo các Nghị quyết HĐND huyện: số 23/NQ- UBND ngày 21/8/2024, số 30/NQ-UBND ngày 13/12/2024		Nội dung điều chỉnh, bổ sung			Sau điều chỉnh, bổ sung	
		Số công trình	Tổng mức đầu tư	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh tổng mức	Số công trình	Tổng mức đầu tư
*	Tổng số	17	9.886,974	15	24	2	26	15.219,415
1	Xuân Phước	1	350	1	1		1	511,955
2	Xuân Sơn Nam	1	841			1	1	983,393
3	Xuân Long	3	1341,506	3	2		2	1.267,910
4	Xuân Sơn Bắc	0	0,000		1		1	142,101
5	Xuân Quang 3	2	2000	2	1		1	883,219
6	Xuân Quang 2	1	686			1	1	879,480
7	Đa Lộc	6	2188,471	6	13		13	8.006,455
8	Xuân Quang 1	3	2480	3	6		6	2.544,902

PHỤ LỤC 3
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIẢI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025 CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / 4/2025 của UBND huyện Đồng Xuân)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy mô	Danh mục công trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 theo các Nghị quyết HĐND huyện: số 23/NQ-UBND ngày 21/8/2024, số 30/NQ-UBND ngày 13/12/2024						Danh mục công trình sau điều chỉnh, bổ sung						Địa điểm	Thời gian thực hiện	Lý do điều chỉnh, bổ sung
				Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân	Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân			
*	TỔNG CỘNG			9.886,974	3.303,147	1.364,450	2.609,689	2.546,005	63,684	15.219,415	6.337,707	3.310,150	2.785,779	2.694,213	91,566			
I	Xã Xuân Phước			350,000	175,000	0,000	87,500	84,500	3,000	511,955	181,525	100,050	115,190	110,190	5,000			
1	Xây dựng mới công, tường rào nhà văn hóa thôn Phú Hội	UBND xã Xuân Phước	Tường xây gạch không nung, móng đá, sơn màu với chiều dài khoảng 110m, cổng mở bằng sắt rộng 4m và cổng phụ rộng 4m	350,000	175,000	0,000	87,500	84,500	3,000							Thôn Phú Hội	Năm 2025	Danh mục công trình không thực hiện năm 2025, xin điều chỉnh sang danh mục tại số thứ tự 2. Lý do: Ưu tiên cho công trình cấp thiết khác
2	Đường bê tông từ nhà ông Nguyễn Thái Bình đi Đồng Bế		San gát nền đường, bê tông mặt đường kết cấu BTXM và một số hạng mục phụ trợ với chiều dài khoảng 370m							511,955	181,525	100,050	115,190	110,190	5,000	Thôn Phú Xuân B	Năm 2025	Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới, điều chỉnh từ công trình từ số thứ tự 1 sang, đồng thời bổ sung NSTW, NS tỉnh; nguồn vốn huyện, xã
II	Xã Xuân Sơn Nam			841,290	466,020	164,950	105,160	100,160	5,000	983,393	472,545	265,000	122,924	117,924	5,000			
1	Trường TH và THCS Xuân Sơn Nam. Hạng mục: Phòng đa năng (khối THCS) và sân bê tông (khối Tiểu học) điểm trường chính thôn Tân Vinh		Diện tích xây dựng khoảng 56m2, Bê tông xi măng sân bê tông diện tích 1025m2	841,290	466,020	164,950	105,160	100,160	5,000	983,393	472,545	265,000	122,924	117,924	5,000	Thôn Tân Vinh	Năm 2025	Điều chỉnh bổ sung NSTW; 6,525 triệu đồng, NST 100,05 triệu đồng; tăng TMDT và cơ cấu nguồn vốn huyện, xã; Điều chỉnh tên công trình: Trường TH và THCS Xuân Sơn Nam. Hạng mục: Phòng đa chức năng(khối THCS) và sân bê tông (khối Tiểu học) điểm trường chính thôn Tân Vinh; quy mô đầu tư: Diện tích xây dựng phòng đa chức năng khoảng 90m2, sân bê tông diện tích khoảng 630 m2
III	Xã Xuân Long			1.341,506	570,303	164,950	303,127	286,127	17,000	1.267,910	576,828	265,000	213,041	200,041	13,000			

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy mô	Danh mục công trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 theo các Nghị quyết HĐND huyện: số 23/NQ-UBND ngày 21/8/2024, số 30/NQ-UBND ngày 13/12/2024						Danh mục công trình sau điều chỉnh, bổ sung						Địa điểm	Thời gian thực hiện	Lý do điều chỉnh, bổ sung
				Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân	Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân			
1	Nhà văn hóa thôn Long Thạch. Hạng mục: Sửa chữa cổng, tường rào, cửa đi, cửa sổ, sơn lại nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ khác (thôn Long Nguyên cũ).		Sửa chữa cổng, tường rào lưới B40 chiều dài khoảng 30m, cửa đi, cửa sổ, sơn lại nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ khác.	200,000	85,050	14,950	50,000	48,000	2,000							Thôn Long Thạch (Long Nguyên cũ)	Năm 2025	Danh mục công trình không thực hiện năm 2025, xin điều chỉnh sang danh mục tại số thứ tự 4. Lý do: Ưu tiên cho công trình cấp thiết khác
2	Khu trung tâm thể dục thể thao xã Xuân Long. Hạng mục: Xây dựng sân khấu, san gạt sân đất và các hạng mục phụ trợ.		Xây dựng sân khấu: Nhà cấp IV, 01 tầng, diện tích khoảng 35m2. San gạt sân đất diện tích khoảng 3.000 m2 (sân bóng đá mini diện tích khoảng 1.500 m2 đệm thêm đất cát mịn dày khoảng 30cm) và các hạng mục phụ trợ khác: điện, nước	430,000	204,500	75,000	75,250	70,250	5,000							Thôn Long Mỹ		
3	Nhà văn hóa thôn Long Thạch. Hạng mục: Xây mới nhà văn hóa.		Xây dựng nhà văn hóa thôn, quy mô 80 chỗ ngồi, nhà cấp III, diện tích xây dựng khoảng 175m2 (Thiết kế theo mẫu được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại QĐ số 738/QĐ-UBND, ngày 19/5/2014).	711,506	280,753	75,000	177,877	167,877	10,000	0,000						Thôn Long Thạch		Danh mục công trình không thực hiện năm 2025, xin điều chỉnh sang danh mục số thứ tự 3: Lý do: Hiện tại diện tích đất người dân đang canh tác và một phần đất 5% do địa phương quản lý nên thủ tục làm hồ sơ pháp lý thu hồi đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn.
4	Nâng cấp trạm bơm nước sinh hoạt tập trung thôn Long Thạch. Hạng mục: Nâng cấp tuyến ống; tủ điện; máy bơm; khoan, nạo vét giếng và một số hạng mục phụ trợ khác.		Nâng cấp, sửa chữa tuyến ống với tổng chiều dài khoảng 800m, tủ điện, máy bơm, khoan, nạo vét giếng và một số hạng mục phụ trợ khác.							577,910	287,278	175,050	57,791	51,791	6,000	Thôn Long Thạch		Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới: Điều chỉnh từ công trình từ số thứ tự 1-2 sang, đồng thời Bổ sung thêm NSTW; 6,525 triệu đồng, NST 100,05 triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy mô	Danh mục công trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 theo các Nghị quyết HĐND huyện: số 23/NQ-UBND ngày 21/8/2024, số 30/NQ-UBND ngày 13/12/2024						Danh mục công trình sau điều chỉnh, bổ sung						Địa điểm	Thời gian thực hiện	Lý do điều chỉnh, bổ sung
				Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân	Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân			
5	Đường GTNT đoạn từ ngã ba Gồm đến thửa đất bà Võ Thị Diễm, thôn Long Hòa, xã Xuân Long		Nâng cấp, sửa chữa đoạn đường đất thành đường Bê tông xi măng, mặt đường rộng 3 m dài khoản 250m; Có cống thoát nước và gia cố mái Taly bằng bê tông xi măng							690,000	289,550	89,950	155,250	148,250	7,000	Thôn Long Hòa		Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới; điều chỉnh từ CT 1-2 sang và tăng tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn huyện xã
IV	Xã Xuân Sơn bắc									142,101	6,525	100,050	17,763	14,763	3,000			
1	Trạm Y tế xã Xuân Sơn Bắc. Hạng mục: Sơn sửa khối nhà chính	UBND xã Xuân Sơn Bắc	Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn sửa lại khối nhà chính với diện tích khoảng 190m2							142,101	6,525	100,050	17,763	14,763	3,000	Thôn Tân Bình	Năm 2025	Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới; Bổ sung NSTW; 6,525 triệu đồng, NST 100,05 triệu đồng và cơ cấu nguồn vốn huyện xã
V	Xã Xuân Quang 3			2.000,000	435,050	164,950	700,000	694,000	6,000	883,219	441,575	265,000	88,322	82,322	6,000			
1	Nâng cấp Chợ Đồng Thành		Xây dựng lầu chợ; sân bê tông diện tích khoảng 400m2, tường rào dài khoảng 60m	1.000,000	300,000		350,000	347,000	3,000	0,000							Năm 2025	Danh mục công trình không thực hiện năm 2025, xin điều chỉnh sang danh mục số thứ tự 3. Lý do: Ngân sách xã đối ứng kinh phí lớn, sẽ dẫn đến nợ đọng. Mặt khác 02 công trình chợ Phước Nhuận và chợ Đồng Thành cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán của nhân dân
2	Nâng cấp Chợ Phước Nhuận		Xây dựng lầu chợ; sân bê tông diện tích khoảng 400m2, tường rào dài khoảng 120m	1.000,000	135,050	164,950	350,000	347,000	3,000	0,000								
3	Hệ thống điện chiếu sáng đường dọc kênh N2 thôn Phước Nhuận (đoạn khoán hạ)		Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dài khoảng 1500m							883,219	441,575	265,000	88,322	82,322	6,000			Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới; điều chỉnh từ CT 2-3 sang và bổ sung thêm NSTW; 6,525 triệu đồng, NST 100,05 triệu đồng và cơ cấu nguồn vốn huyện xã
VI	Xã Xuân Quang 2			685,707	277,139	100,000	154,284	153,000	1,284	879,480	283,664	200,050	197,883	196,000	1,883			
1	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT thôn Phước Huệ đoạn từ nhà ông Dương Tấn Bớt đi nhà ông Phạm Văn Đạt		Nâng cấp, sửa chữa mặt đường với chiều dài 400m, kết cấu mặt đường BTXM	685,707	277,139	100,000	154,284	153,000	1,284	879,480	283,664	200,050	197,883	196,000	1,883	Thôn Phước Huệ	Năm 2025	Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, bổ sung thêm NSTW 6,525 triệu đồng, NST 100,05 triệu đồng và cơ cấu nguồn vốn huyện, xã
VII	Xã Đa Lộc			2.188,471	514,385	494,850	589,618	571,618	18,000	8.006,455	3.477,050	1.332,500	1.598,453	1.563,453	35,000			

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy mô	Danh mục công trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 theo các Nghị quyết HĐND huyện: số 23/NQ-UBND ngày 21/8/2024, số 30/NQ-UBND ngày 13/12/2024						Danh mục công trình sau điều chỉnh, bổ sung						Địa điểm	Thời gian thực hiện	Lý do điều chỉnh, bổ sung
				Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân	Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân			
1	Nghĩa trang nhân dân thôn 1		San gạt mặt bằng nghĩa trang diện tích khoảng 1.000 m2	150,000	60,000		45,000	43,000	2,000							Thôn 1	Danh mục công trình không thực hiện năm 2025, xin điều chỉnh sang danh mục số thứ tự từ 7-19. Lý do: CT từ 1-4 không giải phóng được mặt bằng; CT 5 chưa có quy hoạch nên không có quỹ đất để thực hiện; CT 6 đã thực hiện từ nguồn vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	
2	Nghĩa trang nhân dân thôn 3		San gạt mặt bằng nghĩa trang diện tích khoảng 1.000 m2	150,000	60,000		45,000	42,000	3,000							Thôn 3		
3	Nghĩa trang nhân dân thôn 4		San gạt mặt bằng nghĩa trang diện tích khoảng 1.000 m2	150,000	60,000		45,000	42,000	3,000							Thôn 4		
4	Xây dựng mới bãi rác tập trung thôn 1		Xây dựng mới bãi rác diện tích khoảng 5.000m2	400,000	160,000		120,000	115,000	5,000							Thôn 1		
5	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 5		Xây dựng mới nhà văn hóa diện tích khoảng 100 m2	1.248,471	129,385	494,850	312,118	307,118	5,000							Thôn 5		
6	Nhà văn hóa thôn 1		Sửa chữa nhà văn hoa thôn	90,000	45,000		22,500	22,500	0,000							Thôn 1		
7	Chợ Đa Lộc. HM: Sửa chữa nhà chợ chính, hệ thống thoát nước		Sửa chữa nhà chợ chính và hệ thống thoát nước							852,000	255,600	0,000	298,200	296,200	2,000	Thôn 3	Năm 2025	
8	Đường BTXM từ ĐT644 đi bãi rác tập trung thôn 3		BTXM mặt đường 3m dài khoản 500m, gia cố lề mỗi bên 0,5m							1.000,000	55,150	494,850	225,000	220,000	5,000	Thôn 3		
9	Nâng cấp đường giao thông nội đồng từ nhà ông Hàng thôn 3 đến khu sản xuất thôn 4		Đường đất, nền 4m, mặt đường 3m, lề mỗi bên 0,5m, dài khoảng 300 m và xử lý cống thoát nước.							399,500	219,725	0,000	89,888	88,888	1,000	Thôn 3		
10	Trạm y tế xã Đa Lộc. HM: Mặt bằng sân bê tông, cổng tường rào và nhà kho		Xây dựng mới nhà kho diện tích khoảng 24 m2, sửa chữa tường rào dài khoảng 150m, sân bê tông diện tích khoảng 2000 m2							645,000	483,750		80,625	79,625	1,000	Thôn 3		
11	Trường Mầm Non Đa Lộc. HM: XD mới 01 phòng học phân trường thôn 3		XD mới nhà cấp III, diện tích xây dựng khoảng 70 m2							650,000	487,500		81,250	81,250		Thôn 3		
12	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân. HM: xây mới Phòng đọc học sinh, Nhà công vụ		Phòng đọc diện tích 70m2, nhà công vụ và nhà trực bộ vệ diện tích khoảng 64m2							1.150,000	328,500	534,000	143,750	143,750		Thôn 3		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy mô	Danh mục công trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 theo các Nghị quyết HĐND huyện: số 23/NQ-UBND ngày 21/8/2024, số 30/NQ-UBND ngày 13/12/2024						Danh mục công trình sau điều chỉnh, bổ sung						Địa điểm	Thời gian thực hiện	Lý do điều chỉnh, bổ sung
				Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân	Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân			
13	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân. HM: Nâng cấp sửa chữa 03 phòng học phòng thí nghiệm thực hành		Nâng cấp sửa chữa							300,000	225,000		37,500	37,500		Thôn 3		Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới; Điều chỉnh các công trình từ số thứ tự 1-6 sang, đồng thời bổ sung nguồn vốn NSTW 2.962,665 triệu đồng, NST: 837,650 triệu đồng và cơ cấu nguồn vốn ngân sách huyện, xã
14	Trường Tiểu học Đa Lộc. HM: Sửa chữa 03 phòng học phân trường thôn 3		Nâng cấp sửa chữa							350,000	262,500		43,750	43,750		Thôn 3		
15	Nâng cấp đường GTNT đoạn từ ngã 3 nhà ông Trường đến nhà ông Lầu		BTXM mặt đường 3m dài khoảng dài khoảng 350m							700,000	385,000		157,500	150,500	7,000	Thôn 4		
16	Nâng cấp đường GTNT đoạn từ nhà ông Tiến đến nhà ông Phùng		BTXM mặt đường 3m dài khoảng 160 m							320,000	176,000		72,000	69,000	3,000	Thôn 4		
17	Nâng cấp đường GTNT đoạn từ ĐT 644 đi bờ tràn sông Mun		BTXM mặt đường 3m dài khoảng 140m							280,000	154,000		63,000	60,000	3,000	Thôn 5		
18	Nâng cấp đường GTNT đoạn từ nghĩa địa thôn 4 đến ngã ba đội 4 cũ		BTXM mặt đường 3m dài khoảng 380 m							759,955	114,325	303,650	170,990	163,990	7,000	Thôn 4		
19	Nâng cấp đường GTNT đoạn từ nghĩa trang thôn 2 đi ruộng Dờ		BTXM mặt đường 3m dài khoảng 300m, gia cố lề mỗi bên 0,5m							600,000	330,000		135,000	129,000	6,000	Thôn 2		
VIII	Xã Xuân Quang 1			2.480,000	865,250	274,750	670,000	656,600	13,400	2.544,902	897,995	782,500	432,204	409,520	22,683			
1	Xây dựng công viên cây xanh thôn Suối Cối 1		Xây dựng đường đi, lát gạch nền, xây bồn hoa cây xanh	1.000,000	300,000	100,000	300,000	294,000	6,000							Thôn Suối Cối 1		Danh mục công trình không thực hiện năm 2025, xin điều chỉnh sang danh mục tại số thứ tự 4-5. Lý do: Không giải phóng được mặt bằng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quy mô	Danh mục công trình giai đoạn 2021-2025, năm 2025 theo các Nghị quyết HĐND huyện: số 23/NQ-UBND ngày 21/8/2024, số 30/NQ-UBND ngày 13/12/2024						Danh mục công trình sau điều chỉnh, bổ sung						Địa điểm	Thời gian thực hiện	Lý do điều chỉnh, bổ sung
				Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân	Tổng mức đầu tư	NS Trung ương	NS Tỉnh	NS Huyện	NS xã	Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân			
2	Nhà văn hóa thôn Đồng Hội; Hạng mục: sửa chữa nhà văn hóa, cổng tường rào, sân bê tông		Sửa chữa nhà văn hóa, Cổng tường rào; sân bê tông có kết cấu: Bê tông xi măng; diện tích khoảng 800m2	600,000	225,250	74,750	150,000	147,000	3,000							Thôn Đồng Hội	Năm 2025	Danh mục công trình không thực hiện năm 2025, xin điều chỉnh sang danh mục tại số thứ tự 6-9. Lý do: Ưu tiên cho công trình cấp thiết khác
3	Xây dựng mới công cháo nhà văn hoá 04 thôn Kỳ Lộ, Suối Cối 1, Suối Cối 2, Phú Tâm		Cổng xây bằng trụ bê tông cốt thép	880,000	340,000	100,000	220,000	215,600	4,400							Thôn Kỳ Lộ; Suối Cối 1; Suối Cối 2; Phú Tâm		
4	Trường Tiểu học Xuân Quang 1; Hạng mục: Xây dựng mới thư viện		Diện tích khoảng 160m2, kết cấu: Móng trụ BTCT, tường xây gạch, nền lát gạch, mái lợp tôn							1.127,000	295,250	550,000	140,875	126,788	14,087	Thôn Kỳ lộ		Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới; Điều chỉnh từ công trình từ số thứ tự 1 sang, đồng thời bổ sung nguồn vốn NSTW 32,745 triệu đồng, NST: 507,75 triệu đồng và cơ cấu nguồn vốn ngân sách huyện, xã
5	Trường Mầm non Xuân Quang 1; Hạng mục: Xây dựng mới khu vui chơi vận động		Diện tích khoảng 100m2, kết cấu: Móng trụ bê tông, móng bao gạch bó vữa, nền bê tông, khung thép, mái lợp tôn							126,993	37,495	57,750	15,874	14,287	1,587	Thôn Kỳ lộ		
6	Trường THCS Lê Văn Tám; Hạng mục: Xây dựng mới mái che nhà thể dục		Diện tích khoảng 150m2; Nền lát xi măng. Trụ, cột, hệ thống mái bằng xà gỗ thép, lợp tôn							150,000	72,500	40,000	18,750	16,875	1,875	Thôn Kỳ lộ		Danh mục công trình đăng ký bổ sung mới; Điều chỉnh từ công trình từ số thứ tự 2-3 sang, đồng thời tăng tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn
7	Nâng cấp đường giao thông nông thôn từ trường Mầm non đến nhà bà Nguyễn Thị Rùa		Kết cấu BTXM; dài khoảng 300m; bề rộng mặt đường từ 2,5m đến 3m							540,909	257,500	40,000	121,705	119,270	2,434	Thôn Kỳ lộ		
8	Sửa chữa nối tiếp đường giao thông nông thôn đồng Bả Phú đi		Kết cấu cấp phối đá dăm hoặc đất với chiều dài khoảng 300m							200,000	65,250	44,750	45,000	44,100	0,900	Thôn Suối Cối 1		
9	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ nhà ông Oai đi lò gạch cũ		Kết cấu BTXM; dài khoảng 300m; bố trí hệ thống cống thoát nước qua đường							400,000	170,000	50,000	90,000	88,200	1,800	Thôn Kỳ lộ		

Ghi chú:

- Cơ cấu nguồn vốn được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 07/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đồng Xuân, phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và dự toán năm 2022 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.